

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk
(Thực hiện theo Bản án hành chính số 100/2026/HC-PT, ngày 24/3/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hành chính số 159/2025/HC-ST, ngày 5/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Hà Văn Duyên)
Kèm theo phương án số /PA ngày 29/7/2026 của UBND xã Ea Ô

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 461/QĐ-UBND ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT										
1	Hộ ông: HÀ VĂN DUYỄN Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D Cư Elang cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk									55.684.630	
1.1	Hỗ trợ về đất									55.684.630	
1	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 34/9	2009		m2	2.134,90	2.134,90	18.200	50%	19.427.590	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 35/9	2009		m2	889,20	889,20	18.200	50%	8.091.720	
3	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 36/9	2009		m2	786,30	786,30	18.200	50%	7.155.330	
4	Đất trồng cây hàng năm	Thửa 40/9	2009		m2	998,40	998,40	17.000	50%	8.486.400	
5	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 41/9	2009		m2	812,40	812,40	18.200	50%	7.392.840	
6	Đất nuôi trồng thủy sản	Thửa 48/9	2009		m2	684,10	684,10	15.000	50%	5.130.750	
										55.684.630	
II	THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 461/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:										
1	Hộ ông: HÀ VĂN DUYỄN Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D Cư Elang cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk									89.095.408	
1.1	Hỗ trợ về đất									89.095.408	
1	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 34/9	2009		m2	2.134,90	2.134,90	18.200	80%	31.084.144	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 35/9	2009		m2	889,20	889,20	18.200	80%	12.946.752	
3	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 36/9	2009		m2	786,30	786,30	18.200	80%	11.448.528	
4	Đất trồng cây hàng năm	Thửa 40/9	2009		m2	998,40	998,40	17.000	80%	13.578.240	
5	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 41/9	2009		m2	812,40	812,40	18.200	80%	11.828.544	
6	Đất nuôi trồng thủy sản	Thửa 48/9	2009		m2	684,10	684,10	15.000	80%	8.209.200	
										89.095.408	

III BẢNG TỔNG HỢP THEO QUYẾT ĐỊNH ĐÃ PHÊ DUYỆT SỐ 284/QĐ-UBND

TT	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Phần trăm còn lại của VKT	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Ti lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hộ ông: HÀ VĂN DUYỄN Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D Cư Elang cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk													23.330.546	Tài sản, vật kiến trúc và cây trồng gắn liền trên đất tạo lập sau TBTHĐ không được bồi thường, hỗ trợ
1.1	Hỗ trợ về đất													0	
1	Đất trồng lúa nước 1 vụ	Thửa 34/9	2009		m2	2.134,90	2.134,90			18.200			0%	0	
2	Đất trồng lúa nước 1 vụ	Thửa 35/9	2009		m2	889,20	889,20			18.200			0%	0	
3	Đất trồng lúa nước 1 vụ	Thửa 36/9	2009		m2	786,30	786,30			18.200			0%	0	
4	Đất trồng cây hàng năm	Thửa 40/9	2009		m2	998,40	998,40			17.000			0%	0	
5	Đất trồng lúa nước 1 vụ	Thửa 41/9	2009		m2	812,40	812,40			18.200			0%	0	
6	Đất nuôi trồng thủy sản	Thửa 48/9	2009		m2	684,10	684,10			15.000			0%	0	
1.2	Hỗ trợ tài sản gắn liền trên đất Ao: Diện tích 684,1 m2, sâu 1,96m	Thửa 48/9	2009		m3	1.340,84	1.340,84			29.000			60%	23.330.546	
1.3	Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất													0	
1	Lúa nước có hạt non	Thửa 34/9			m2		2.134,90	2.134,90		5.000	100%	100%	0%	0	
2	Lúa nước có hạt non	Thửa 35/9			m2		889,20	889,20		5.000	100%	100%	0%	0	
3	Lúa nước có hạt non	Thửa 36/9			m2		786,30	786,30		5.000	100%	100%	0%	0	
4	Cỏ voi	Thửa 40/9			m2		200,00	200,00		4.300	100%	100%	0%	0	
5	Lúa nước có hạt non	Thửa 41/9			m2		812,40	812,40		5.000	100%	100%	0%	0	

IV THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 284/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:

TT	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Phần trăm còn lại của VKT	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Ti lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Hộ ông: HÀ VĂN DUYỄN Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D Cư Elang cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk													42.509.746	
1.1	Hỗ trợ về đất													0	
1	Đất trồng lúa nước 1 vụ	Thửa 34/9	T3/2004		m2	2.134,90	2.134,90			18.200			0%	0	
2	Đất trồng lúa nước 1 vụ	Thửa 35/9	T3/2004		m2	889,20	889,20			18.200			0%	0	
3	Đất trồng lúa nước 1 vụ	Thửa 36/9	T3/2004		m2	786,30	786,30			18.200			0%	0	
4	Đất trồng cây hàng năm	Thửa 40/9	T3/2004		m2	998,40	998,40			17.000			0%	0	

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk
(Thực hiện theo Bản án hành chính số 100/2026/HC-PT, ngày 24/3/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án hành chính số 159/2025/HC-ST, ngày 5/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Hà Văn Duyên)
Kèm theo phương án số /PA ngày 29/7/2026 của UBND xã Ea Ô

5	Đất trồng lúa nước 1 vụ	Thửa 41/9	T3/2004		m2	812,40	812,40			18.200			0%	0	
6	Đất nuôi trồng thủy sản	Thửa 48/9	T3/2004		m2	684,10	684,10			15.000			0%	0	
1.2	Hỗ trợ tài sản gắn liền trên đất Ao: Diện tích 684,1 m2, sâu 1.96m	Thửa 48/9	2009		m3	1.340,84	1.340,84			29.000			60%	23.330.546	
1.3	Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất													19.179.200	
1	Lúa nước có hạt non	Thửa 34/9			m2		2.134,90	2.134,90		5.000	100%	100%	80%	8.539.600	
2	Lúa nước có hạt non	Thửa 35/9			m2		889,20	889,20		5.000	100%	100%	80%	3.556.800	
3	Lúa nước có hạt non	Thửa 36/9			m2		786,30	786,30		5.000	100%	100%	80%	3.145.200	
4	Cỏ voi	Thửa 40/9			m2		200,00	200,00		4.300	100%	100%	80%	688.000	
5	Lúa nước có hạt non	Thửa 41/9			m2		812,40	812,40		5.000	100%	100%	80%	3.249.600	

TT	Loại đất	Đơn vị	Diện tích
1	Đất trồng cây hàng năm	m2	998,4
2	Đất trồng lúa nước một vụ	m2	4.622,8
3	Đất nuôi trồng thủy sản	m2	684,1
Tổng diện tích thu hồi		m2	6.305,3

Số tiền bồi thường, hỗ trợ là:			
TT	Hạng mục	Đơn vị	Số tiền
1	Hỗ trợ về đất (thực hiện theo bản án)	đồng	89.095.408
2	Hỗ trợ về vật kiến trúc (giữ nguyên theo QĐ 284/QĐ-UBND)	đồng	23.330.546
3	Hỗ trợ về cây trồng (thực hiện theo bản án)	đồng	19.179.200
4	Tổng số tiền lập lại theo bản án	đồng	131.605.154
5	Số tiền được phê duyệt theo QĐ 461	đồng	55.684.630
6	Số tiền được phê duyệt theo QĐ 284	đồng	23.330.546
7	Số tiền chênh lệch	đồng	52.589.978